

Phụ lục 01: THU NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /7/2026 của UBND phường Thạch Khôi)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2026		Số thực hiện 6 tháng đầu năm		Tỷ lệ		Ghi chú
		Thu NSNN	Thu NSP	Thu NSNN	Thu NSP	Thu NSNN	Thu NSP	
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2	
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	234,720	204,546	215,434	209,902	92%	103%	
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (Đã loại trừ hoàn thuế GTGT)	234,720	204,546	152,754	209,902	65%	103%	
A	Thu nội địa = I + II	234,720	123,606	215,434	53,046	92%	43%	
I	Thu được giao theo Quyết định 5055	234,720	123,606	101,120	53,068	43%	43%	
	Thu không bao gồm tiền sử dụng đất (I - 6)	188,720	103,206	87,687	48,773	46%	47%	
1	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	139,790	75,487	72,450	39,123	52%	52%	
-	Thuế GTGT	89,030	48,076	41,937	22,646	47%	47%	
-	Thuế TNDN	50,760	27,411	30,513	16,477	60%	60%	
2	Lệ phí trước bạ	19,540	11,919	7,342	5,579	38%	47%	
3	Thu phí, lệ phí	1,890	1,890	547	519	29%	27%	
4	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	4,380	4,380	1,191	1,191	27%	27%	
5	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	21,090	8,436	4,193	879	20%	10%	
6	Thu tiền sử dụng đất	46,000	20,400	13,433	4,295	29%	21%	
7	Thu khác ngân sách	1,170	234	1,803	1,321	154%	564%	
8	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	860	860	161	161	19%	19%	
II	Các khoản thu không được giao trong Quyết định 5055	-	-	114,313	(22)			
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý			61				
2	Thu từ khu vực DNNN do cấp địa phương quản lý			4,398				
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài			55,806				
4	Thuế thu nhập cá nhân			21,568	(22)			
5	Thu phí, lệ phí (các khoản thu không thuộc phạm vi ngân sách cấp xã được hưởng)			4				
6	Thu khác ngân sách (các khoản thu không thuộc phạm vi ngân sách cấp xã được hưởng)			4,097				
7	Thu tiền sử dụng đất (dự án do thành phố tổ chức thực hiện, các khoản thu không thuộc phạm vi ngân sách cấp xã được hưởng)			28,316				
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản			63				
B	Thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu			(62,680)				
C	Thu viện trợ							
D	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		80,940		75,172		93%	
1	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên		79,860		39,930		50%	
2	Thu bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên		1,080		35,242		3263%	
E	Nguồn năm trước chuyển sang năm nay (thu chuyển nguồn)				81,684			
F	Thu kết dư ngân sách							

Phụ lục 02: CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG THEO TỪNG LĨNH VỰC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /7/2026 của UBND phường Thạch Khôi)

DVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2026	Thực hiện 6 tháng	Tỷ lệ	Ghi chú
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI	204,546	123,157	60%	
A	Chi ngân sách theo lĩnh vực	204,546	123,157	60%	
I	Chi đầu tư phát triển	20,400	43,094	211%	
1	Chi đầu tư cho các dự án	20,400	43,094	211%	
II	Chi thường xuyên	180,135	80,063	44%	
	<i>Trong đó: Tiết kiệm 10% chi thường xuyên</i>	<i>5,201</i>		<i>0%</i>	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	96,073	38,605	40%	
2	Chi khoa học và công nghệ	390	30	8%	
3	Chi y tế, dân số và gia đình	3,647	1,522	42%	
4	Chi văn hóa thông tin	1,674	780	47%	
5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	300	31	10%	
6	Chi thể dục thể thao	355	87	25%	
7	Chi bảo vệ môi trường	7,708	6,937	90%	
8	Chi các hoạt động kinh tế	13,535	893	7%	
9	Chi an ninh - quốc phòng	4,787	2,793	58%	
	<i>Chi quốc phòng</i>	<i>2,678</i>	<i>1,879</i>	<i>70%</i>	
	<i>Chi an ninh</i>	<i>2,109</i>	<i>914</i>	<i>43%</i>	
10	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	29,008	16,020	55%	
11	Chi bảo đảm xã hội	21,762	12,364	57%	
12	Chi khác	896	-	0%	
III	Dự phòng ngân sách	4,011	-	0%	
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương, chuyển nguồn				
B	Chi viện trợ				

Phụ lục 03: CHI TIẾT KINH PHÍ ĐÃ ĐƯỢC BỔ SUNG TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /7/2026 của UBND phường Thạch Khôi)

STT	Số QĐ bổ sung kinh phí của UBND thành phố	Nội dung	Tên đơn vị được giao dự toán	Số tiền được bổ sung (đồng)	Số tiền đã phân bổ (đồng)	Ghi chú
	TỔNG CỘNG			6,829,485,074	6,112,507,000	
1	305/QĐ-UBND ngày 26/01/2026	Kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031	Văn phòng HĐND và UBND phường (Phòng VHXXH)	1,041,000,000	1,041,000,000	Đã báo cáo tại Báo cáo số 102/BC-UBND
2	424/QĐ-UBND ngày 30/01/2026	Kinh phí tặng quà bằng tiền mặt cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn phường nhân dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ 2026	Văn phòng HĐND và UBND phường (Phòng KTHĐT)	365,200,000	365,200,000	Đã báo cáo tại Báo cáo số 102/BC-UBND
3	425/QĐ-UBND ngày 30/01/2026	Kinh phí khoản hỗ trợ đi lại, làm việc đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo Nghị quyết số 36/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố	Văn phòng Đảng uỷ phường	86,400,000	86,400,000	Đã báo cáo tại Báo cáo số 102/BC-UBND
4	425/QĐ-UBND ngày 30/01/2026	Kinh phí khoản hỗ trợ đi lại, làm việc đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo Nghị quyết số 36/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố	Văn phòng HĐND và UBND phường	21,600,000	21,600,000	Đã báo cáo tại Báo cáo số 102/BC-UBND
5	485/QĐ-UBND ngày 03/02/2026	Kinh phí khoản hỗ trợ đi lại, làm việc đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo Nghị quyết số 36/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố	Trạm y tế phường	21,600,000	21,600,000	Đã báo cáo tại Báo cáo số 102/BC-UBND
6	499/QĐ-UBND ngày 04/02/2026	Kinh phí hỗ trợ công dân nhập ngũ năm 2026 theo Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND thành phố	Ban chỉ huy quân sự phường	270,000,000	270,000,000	Đã báo cáo tại Báo cáo số 102/BC-UBND
7	423/QĐ-UBND ngày 30/01/2026	Kinh phí thu lợi nội đồng		716,978,074		Chưa phân bổ
8	658/QĐ-UBND ngày 13/02/2026	Kinh phí duy tu, bảo dưỡng thường xuyên hệ thống đường giao thông trên địa bàn phường năm 2025	Trung tâm dịch vụ sự nghiệp công	3,618,000,000	3,618,000,000	
9	846/QĐ-UBND ngày 09/3/2026	Kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031	Văn phòng HĐND và UBND phường (Phòng VHXXH)	306,000,000	306,000,000	
10	1539/QĐ-UBND ngày 16/4/2026	Kinh phí hỗ trợ ôn thi tuyển sinh vào lớp 10 đối với các trường THCS công lập trên địa bàn	Các trường THCS công lập	253,539,000	253,539,000	
11	1843/QĐ-UBND ngày 19/5/2026	Kinh phí hỗ trợ cán bộ, công chức làm công tác tin ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn phường năm 2026	Văn phòng HĐND và UBND phường (Phòng VHXXH)	56,160,000	56,160,000	
12	2346/QĐ-UBND ngày 23/6/2026	Kinh phí chi trả cho nhân viên y tế thôn, khu dân cư theo Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND ngày 18/10/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương quy định số lượng và mức hỗ trợ hằng tháng đối với nhân viên y tế thôn, khu dân cư thuộc các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Hải Dương	Trạm y tế phường	73,008,000	73,008,000	

Phụ lục 04: CHI TIẾT KINH PHÍ ĐÃ PHÂN BỐ TỪ NGUỒN DỰ TOÁN CHƯA PHÂN BỐ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /7/2026 của UBND phường Thạch Khôi)

STT	Số QĐ bổ sung kinh phí của UBND phường	Nội dung	Tên đơn vị được giao dự toán	Số tiền (đồng)	Ghi chú
		TỔNG CỘNG		12,898,221,000	
I	Chi Quản lý nhà nước			1,774,275,000	
1	72/QĐ-UBND ngày 27/01/2026	Kinh phí để mua xe ô tô phục vụ công tác chung	Văn phòng HĐND và UBND phường	1,080,000,000	Đã báo cáo tại Báo cáo số 102/BC-UBND
2	72/QĐ-UBND ngày 27/01/2026	Kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031	Văn phòng HĐND và UBND phường (Phòng VHXXH)	630,000,000	Đã báo cáo tại Báo cáo số 102/BC-UBND
3	156/QĐ-UBND ngày 03/02/2026	Kinh phí tổ chức Hội nghị tập huấn hỗ trợ thực hiện thủ tục hành chính tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Trung tâm phục vụ hành chính công	14,675,000	Đã báo cáo tại Báo cáo số 102/BC-UBND
4	1241/QĐ-UBND ngày 12/6/2026	Kinh phí tổ chức Hội thi báo cáo viên, tuyên truyền viên giỏi phường Thạch Khôi năm 2026	Văn phòng Đảng ủy phường	49,600,000	
II	Chi sự nghiệp y tế			3,479,400,000	
1	169/QĐ-UBND ngày 05/02/2026	Giao dự toán cho Trạm y tế phường	Trạm y tế phường Thạch Khôi	3,479,400,000	Đã báo cáo tại Báo cáo số 102/BC-UBND
III	Chi sự nghiệp giáo dục			360,418,000	
1	1045/QĐ-UBND ngày 05/5/2026	Hỗ trợ học phí học sinh ngoài công lập (mầm non) theo ND238; Hỗ trợ trẻ em con công nhân ở KCN theo ND105, NQ04/2021 HĐND TP; Hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em mầm non theo ND105	Văn phòng HĐND và UBND phường (Phòng VHXXH)	344,153,000	
2	1045/QĐ-UBND ngày 05/5/2026	Hỗ trợ chi phí học tập theo ND238; Hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em mầm non theo ND105; Hỗ trợ chi phí học bổng và mua Đồ dùng học tập cho học sinh khuyết tật	Các trường mầm non, tiểu học, THCS công lập	16,265,000	
IV	Chi sự nghiệp môi trường			6,937,000,000	
1	747/QĐ-UBND ngày 10/4/2026	Giao dự toán sự nghiệp môi trường	Trung tâm dịch vụ sự nghiệp công	6,937,000,000	
V	Chi sự nghiệp kiến thiết thị chính			168,558,000	
1	155/QĐ-UBND ngày 03/02/2026	Kinh phí trang trí chậu hoa khu vực trụ sở hành chính phục vụ tết nguyên đán năm 2026, phường Thạch Khôi	Văn phòng HĐND và UBND phường (Phòng KTHHĐT)	168,558,000	Đã báo cáo tại Báo cáo số 102/BC-UBND
IV	Chi khác			178,570,000	
1	734/QĐ-UBND ngày 08/4/2026	Kinh phí tổ chức đại hội Hội Cựu TNXP, Hội Liên hiệp thanh niên, Hội người cao tuổi	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc phường	108,920,000	
2	1242/QĐ-UBND ngày 12/6/2026	Kinh phí tổ chức đại hội Hội chữ thập đỏ, Hội khuyến học	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc phường	69,650,000	